

## CÁC BỘ

### BỘ TÀI CHÍNH

**THÔNG TƯ số 41/2004/TT-BTC**  
**ngày 18/5/2004 hướng dẫn thi**  
**hành Nghị định số 100/2004/**  
**NĐ-CP ngày 25/02/2004 của**  
**Chính phủ quy định về việc**  
**xử phạt vi phạm hành chính**  
**trong lĩnh vực thuế.**

*Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính số 44/2002/PL-UBTVQH10 ngày 02/7/2002 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2004/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế;*

*Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cụ thể như sau:*

## A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Cá nhân, cơ quan, tổ chức của Việt Nam, nước ngoài (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm những quy định của pháp luật thuế mà không phải là tội phạm phải bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc ra nhập có quy định khác.

Những vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế gồm:

- a) Vi phạm quy định về đăng ký thuế, kê khai thuế, lập, nộp quyết toán thuế;
- b) Vi phạm quy định về thu, nộp tiền thuế, tiền phạt;
- c) Vi phạm quy định về kiểm tra, thanh tra về thuế;
- d) Các hành vi trốn thuế.

### II. NGUYÊN TẮC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THUẾ

**1.** Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện kịp thời và phải bị đình chỉ ngay. Việc xử lý vi phạm hành chính phải được tiến hành nhanh chóng, công

minh, triệt để; mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

**2.** Cá nhân, tổ chức chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế khi có vi phạm quy định tại Điều 1 Nghị định số 100/2004/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2004 và Mục I, Phần A Thông tư này.

**3.** Việc xử phạt vi phạm hành chính phải do người có thẩm quyền tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

**4.** Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt hành chính một lần.

Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm.

**5.** Việc xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân người vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng để quyết định hình thức, biện pháp xử phạt thích hợp. Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt quy định đối với hành vi đó. Trường hợp có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt được giảm xuống nhưng không thấp hơn mức tối thiểu của khung tiền phạt. Trường hợp có tình tiết tăng nặng thì mức tiền

phạt có thể cao hơn nhưng không vượt mức tối đa của khung tiền phạt.

**6. Không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế đối với các trường hợp sau:**

a) Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm 1, điểm 2 Mục III Phần A Thông tư này;

b) Vi phạm hành chính có dấu hiệu của tội phạm, bao gồm:

- Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế có dấu hiệu tội phạm đã chuyển hồ sơ đến cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền giải quyết;

- Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế có dấu hiệu tội phạm mà cơ quan tiến hành tố tụng đang xem xét, giải quyết;

- Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế có dấu hiệu tội phạm, cơ quan tiến hành tố tụng có văn bản đề nghị chuyển hồ sơ để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, hóa đơn nhưng chưa đến thời điểm quy định tại điểm 3 Mục VI Phần A Thông tư này;

d) Người có hành vi vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hay khả năng điều khiển hành vi của mình;

1963941

đ) Vi phạm hành chính trong các trường hợp tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ.

- Tình thế cấp thiết là tình thế của người vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa;

- Phòng vệ chính đáng là hành vi của một người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên;

- Người thực hiện hành vi do sự kiện bất ngờ, tức là trong trường hợp không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó.

### **III. THỜI HIỆU XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THỜI HẠN ĐƯỢC COI LÀ CHƯA BỊ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THUẾ**

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế là hai năm, kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện đến ngày hành vi vi phạm được phát hiện. Riêng đối với các

hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế được xác định là hành vi trốn thuế thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại các luật thuế, pháp lệnh về thuế.

2. Cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm đó có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế thì bị xử phạt vi phạm hành chính. Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người đã ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án phải gửi quyết định và hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt. Trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và đầy đủ hồ sơ vụ vi phạm.

3. Trong thời gian tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế nếu cá nhân, tổ chức lại thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng cách tính thời hiệu quy định tại điểm 1, điểm 2 Mục này. Trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm thực hiện hành vi vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

4. Ngày chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt là ngày đương sự tự giác đến cơ quan thuế trình báo và nhận thực hiện quyết định xử phạt của cơ quan thuế. Cơ quan thuế phải lập biên bản ghi nhận việc này.

5. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, nếu qua một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

6. Người có thẩm quyền xử phạt nếu để quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính thì bị xử lý theo quy định tại Điều 121 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và điểm 4 Điều 3 Nghị định số 100/2004/NĐ-CP ngày 25/02/2004 của Chính phủ.

#### IV. CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT

1. Mỗi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm còn có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu

tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt chính và hình thức xử phạt bổ sung, cá nhân, tổ chức vi phạm có thể bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

- a) Buộc tiêu hủy hóa đơn, chứng từ, sổ kế toán in, phát hành sai quy định;
- b) Tạm đình chỉ sử dụng hóa đơn.

Việc tạm đình chỉ sử dụng hóa đơn chỉ được thực hiện khi đối tượng nộp thuế không thực hiện đúng quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế. Thời gian tạm đình chỉ sử dụng hóa đơn tối đa không quá 03 tháng kể từ ngày tổ chức, cá nhân không thực hiện đúng quyết định xử phạt; trường hợp vi phạm được khắc phục trong thời gian sớm hơn 03 tháng thì việc tạm đình chỉ sử dụng hóa đơn sẽ hết hiệu lực ngay sau ngày các vi phạm đã được khắc phục xong. Trường hợp đã hết thời gian 03 tháng mà đối tượng nộp thuế vẫn chưa thực hiện đúng các quyết định xử phạt thì sẽ áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành.

#### V. TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ, TÌNH TIẾT TẶNG NẶNG

##### 1. Tình tiết giảm nhẹ

a) Người vi phạm hành chính đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của vi phạm

hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;

b) Người vi phạm hành chính đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi;

c) Vi phạm trong tình trạng bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra;

d) Vi phạm do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần;

đ) Người vi phạm là phụ nữ có thai, người già yếu, người có bệnh hoặc tàn tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

e) Vi phạm vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra;

g) Vi phạm do trình độ lạc hậu.

## 2. Tình tiết tăng nặng

Chỉ những tình tiết sau đây mới là tình tiết tăng nặng:

a) Vi phạm có tổ chức;

b) Vi phạm nhiều lần trong cùng lĩnh vực hoặc tái phạm trong cùng lĩnh vực;

c) Xúi giục, lôi kéo người chưa thành niên vi phạm, ép buộc người bị lệ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần vi phạm;

d) Vi phạm trong tình trạng say do dùng rượu, bia hoặc các chất kích thích khác;

đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm;

e) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, hoàn cảnh thiên tai hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm;

g) Vi phạm trong thời gian đang chấp hành hình phạt của bản án hình sự hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính;

h) Tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm hành chính mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó;

i) Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm hành chính.

## VI. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. Thuế là các khoản thu theo quy định của pháp luật, bao gồm thuế và các khoản thu khác, trừ khoản thu về phí và lệ phí do cơ quan thu thuế quản lý.

2. Hành vi trốn thuế là hành vi của cá nhân, tổ chức vi phạm các quy định của pháp luật về thuế dẫn đến làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số thuế được hoàn hoặc được miễn, giảm. Các tiêu chí để xác định hành vi trốn thuế là:

+ Chủ thể của hành vi trốn thuế là các cá nhân hoặc tổ chức thuộc đối tượng nộp thuế.

+ Hậu quả của hành vi vi phạm là dẫn đến việc làm giảm số thuế phải nộp hoặc tăng số thuế được hoàn hoặc được miễn, giảm.

3. Thời điểm xác định cá nhân, tổ chức hoàn thành hành vi trốn thuế để xử phạt về hành vi trốn thuế là thời điểm cá nhân, tổ chức đã hoàn thành việc kê khai số thuế phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế hoặc thời điểm cơ quan có thẩm quyền ra quyết định hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế (nếu có) theo hồ sơ đề nghị của cá nhân, tổ chức đó, cụ thể như sau:

a) Đối với các trường hợp pháp luật quy định chế độ kê khai, tạm nộp hàng tháng, quyết toán theo năm thì thời điểm cá nhân, tổ chức thực hiện nộp quyết toán thuế năm theo quy định của pháp luật về thuế là thời điểm hoàn thành việc kê khai số thuế phải nộp;

b) Đối với các trường hợp pháp luật quy định kê khai, nộp thuế 1 lần là thời điểm cá nhân, tổ chức hoàn thành việc kê khai số tiền thuế phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế;

c) Đối với các trường hợp hoàn thuế, miễn, giảm thuế là thời điểm quyết định hoàn thuế, miễn, giảm thuế của cơ quan thuế có thẩm quyền đã có hiệu lực thi hành hoặc thời điểm cá nhân, tổ chức hoàn thành việc kê khai miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

d) Trường hợp pháp luật về thuế quy định cho phép đối tượng nộp thuế điều chỉnh, bổ sung tờ khai thuế, quyết toán thuế kê khai miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì thời điểm xác

định cá nhân, tổ chức hoàn thành hành vi trốn thuế là thời điểm cá nhân, tổ chức đã hoàn thành việc kê khai điều chỉnh, bổ sung tờ khai thuế, quyết toán thuế, kê khai miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Hàng hóa, nguyên, vật liệu nêu tại Thông tư này là các loại hàng hóa, nguyên, vật liệu không bị pháp luật cấm kinh doanh. Hàng hóa lưu thông bao gồm: Hàng hóa, nguyên, vật liệu đang vận chuyển trên đường; hàng hóa, nguyên, vật liệu bày bán tại địa điểm bán hàng; hàng hóa, nguyên, vật liệu trong kho hoặc hàng hóa, nguyên, vật liệu tại nơi sản xuất, kinh doanh.

5. Không đăng ký thuế là trường hợp đăng ký thuế quá thời hạn từ trên 10 ngày làm việc hoặc trên 10 ngày làm việc vẫn chưa thực hiện việc đăng ký thuế.

6. Không nộp tờ khai thuế là trường hợp nộp tờ khai thuế quá thời hạn từ trên 10 ngày làm việc hoặc trên 10 ngày làm việc vẫn chưa nộp tờ khai thuế.

7. Không nộp quyết toán thuế là trường hợp nộp quyết toán thuế quá thời hạn từ trên 90 ngày làm việc hoặc trên 90 ngày làm việc vẫn chưa nộp quyết toán thuế.

## B. HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT

Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9,

Điều 10, Điều 11 Chương II Nghị định số 100/2004/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ, những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế; hình thức và mức phạt cụ thể như sau:

**I. HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THUẾ, KÊ KHAI THUẾ, LẬP, NỘP QUYẾT TOÁN THUẾ**

**1. Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là 75.000 đồng;**

- Trường hợp có một tình tiết giảm nhẹ, mức phạt tiền là 60.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên, mức phạt tiền là 50.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết tăng nặng, mức phạt tiền là 90.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết tăng nặng trở lên, mức phạt tiền là 100.000 đồng.

Đối với một trong các hành vi sau:

a) Đăng ký thuế với cơ quan thuế quá thời hạn quy định từ 1 đến 5 ngày làm việc, kể cả trường hợp phải đăng ký bổ sung mỗi khi có sự thay đổi;

b) Kê khai không chính xác về số học

trên tờ khai thuế, quyết toán thuế hoặc kê khai không đầy đủ những chỉ tiêu trên tờ khai thuế, quyết toán thuế nhưng không làm sai lệch số thuế phải nộp sau thời gian được điều chỉnh, kê khai bổ sung theo quy định của pháp luật về thuế;

c) Nộp tờ khai thuế quá thời hạn quy định từ 1 đến 5 ngày làm việc;

d) Nộp quyết toán thuế quá thời hạn quy định từ 1 đến 10 ngày làm việc.

Hình thức phạt cảnh cáo chỉ áp dụng đối với hành vi vi phạm lần đầu. Cảnh cáo được quyết định bằng văn bản.

**2. Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là 600.000 đồng;**

- Trường hợp có một tình tiết giảm nhẹ, mức phạt tiền là 400.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên, mức phạt tiền là 200.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết tăng nặng, mức phạt tiền là 800.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết tăng nặng trở lên, mức phạt tiền là 1.000.000 đồng.

Đối với một trong các hành vi sau:

a) Đăng ký thuế, nộp tờ khai thuế quá thời hạn quy định từ trên 5 ngày đến 10 ngày làm việc;

b) Nộp quyết toán thuế quá thời hạn quy định từ trên 10 ngày đến 20 ngày làm việc.

**3.** Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là 1.500.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết giảm nhẹ, mức phạt tiền là 1.200.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên, mức phạt tiền là 1.000.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết tăng nặng, mức phạt tiền là 1.700.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết tăng nặng trở lên, mức phạt tiền là 2.000.000 đồng.

Đối với một trong các hành vi sau:

a) Đăng ký thuế, nộp tờ khai thuế quá thời hạn quy định từ trên 10 ngày làm việc hoặc đã quá thời hạn quy định từ trên 10 ngày làm việc mà chưa đăng ký thuế, nộp tờ khai thuế;

b) Nộp quyết toán thuế quá thời hạn quy định từ trên 20 ngày đến 30 ngày làm việc.

**4.** Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là 3.000.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết giảm nhẹ, mức phạt tiền là 2.500.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết giảm

nhẹ trở lên, mức phạt tiền là 2.000.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết tăng nặng, mức phạt tiền là 3.500.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết tăng nặng trở lên, mức phạt tiền là 4.000.000 đồng.

Đối với hành vi nộp quyết toán thuế quá thời hạn quy định từ trên 30 ngày đến 40 ngày làm việc.

**5.** Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là 7.000.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết giảm nhẹ, mức phạt tiền là 5.000.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên, mức phạt tiền là 4.000.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết tăng nặng, mức phạt tiền là 8.000.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết tăng nặng trở lên, mức phạt tiền là 10.000.000 đồng.

Đối với hành vi nộp quyết toán thuế quá thời hạn quy định trên 40 ngày đến 90 ngày làm việc.

**6.** Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là 20.000.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết giảm nhẹ, mức phạt tiền là 18.000.000 đồng;

1638941

www.ThuYenPhapLuat.com \* Tel: +84-8-3845 6684 \* LawSoft



- Trường hợp có từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên, mức phạt tiền là 15.000.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết tăng nặng, mức phạt tiền là 22.000.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết tăng nặng trở lên, mức phạt tiền là 25.000.000 đồng.

Đối với hành vi nộp quyết toán thuế quá thời hạn quy định từ trên 90 ngày làm việc hoặc đã quá thời hạn từ trên 90 ngày làm việc mà vẫn chưa nộp quyết toán thuế.

**7.** Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại tiết a điểm 3 và điểm 6 Mục I Phần B Thông tư này, sau khi bị xử phạt vi phạm hành chính vẫn chưa đăng ký thuế, nộp tờ khai thuế, quyết toán thuế sẽ bị ấn định số thuế tạm nộp theo quy định của pháp luật về thuế.

## **II. HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THU, NỘP TIỀN THUẾ, TIỀN PHẠT**

**1.** Cá nhân, tổ chức có hành vi nộp chậm tiền thuế hoặc tiền phạt so với ngày quy định phải nộp ghi trong thông báo nộp thuế, lệnh thu hoặc thời hạn phải nộp theo quy định của văn bản pháp luật về thuế, quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế sẽ

bị xử phạt theo quy định của pháp luật về thuế. Trường hợp đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà vẫn không nộp tiền thuế, tiền phạt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền có thể bị áp dụng biện pháp tạm đình chỉ sử dụng hóa đơn.

Cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế ra quyết định tạm thời đình chỉ sử dụng hóa đơn theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định số 100/2004/NĐ-CP ngày 25/02/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

**2.** Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là 3.500.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết giảm nhẹ, mức phạt tiền là 2.500.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên, mức phạt tiền là 2.000.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết tăng nặng, mức phạt tiền là 4.000.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết tăng nặng trở lên, mức phạt tiền là 5.000.000 đồng.

Đối với tổ chức, cá nhân chi trả lương, chi trả thu nhập; ngân hàng, tổ chức tài chính, tín dụng khác nơi đối tượng bị xử phạt mở tài khoản không thực hiện trích nộp ngân sách nhà nước số tiền thuế, tiền phạt theo lệnh thu, quyết định trích nộp

ngân sách nhà nước của cơ quan có thẩm quyền sau 10 ngày từ ngày được giao lệnh thu, quyết định trích nộp ngân sách nhà nước sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, mức xử phạt theo quy định tại điểm 2 Mục II Phần B Thông tư này, điều kiện để xem xét xử phạt thực hiện theo quy định tại tiết 2.1.a điểm 2 Mục II Phần D Thông tư này.

Cơ quan ra quyết định khấu trừ lương, khấu trừ thu nhập, trích tiền từ tài khoản hoặc lệnh thu tiền thuế, tiền phạt khi giao quyết định, lệnh thu phải lập bản giao nhận quyết định, lệnh thu với đại diện tổ chức, cơ quan, cá nhân để làm căn cứ xử phạt (theo Mẫu BGN/02-3L đính kèm Thông tư này).

### **III. HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THANH TRA, KIỂM TRA VỀ THUẾ**

1. Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là 750.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết giảm nhẹ, mức phạt tiền là 600.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên, mức phạt tiền là 500.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết tăng nặng, mức phạt tiền là 900.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết tăng nặng trở lên, mức phạt tiền là 1.000.000 đồng.

Đối với hành vi không chấp hành quyết định thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

2. Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là 1.500.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết giảm nhẹ, mức phạt tiền là 1.200.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên, mức phạt tiền là 1.000.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết tăng nặng, mức phạt tiền là 1.700.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết tăng nặng trở lên, mức phạt tiền là 2.000.000 đồng.

Đối với hành vi không cung cấp được chứng từ kèm theo hàng hóa; nguyên vật liệu đang vận chuyển trên đường để chứng minh lô hàng đã nộp thuế hoặc đã được quản lý để thu thuế theo quy định của pháp luật trong thời hạn tối đa 24 giờ tính từ thời điểm kiểm tra, phát hiện.

Trường hợp quá thời hạn cho phép, cá nhân, tổ chức không cung cấp được chứng từ theo quy định thì không xử phạt theo quy định tại điểm này mà xử phạt về hành vi trốn thuế quy định tại tiết h điểm 1 Mục IV Phần B Thông tư này.

**3.** Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là 2.500.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết giảm nhẹ, mức phạt tiền là 2.200.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên, mức phạt tiền là 2.000.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết tăng nặng, mức phạt tiền là 2.700.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết tăng nặng trở lên, mức phạt tiền là 3.000.000 đồng.

Đối với một trong những hành vi sau:

a) Từ chối, trì hoãn hoặc lẩn tránh không cung cấp tài liệu, chứng từ, sổ kế toán liên quan đến việc xác định số thuế phải nộp từ trên 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra;

b) Không thực hiện lệnh niêm phong của cơ quan, người có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra hoặc niêm phong không đúng quy định hồ sơ, tài liệu, chứng từ, sổ kế toán, kết quỹ, kho hàng, kho nguyên liệu, máy móc, nhà xưởng.

**4.** Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là 7.000.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết giảm nhẹ, mức phạt tiền là 5.000.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết giảm nhẹ trở lên, mức phạt tiền là 4.000.000 đồng;

- Trường hợp có một tình tiết tăng nặng, mức phạt tiền là 8.000.000 đồng;

- Trường hợp có từ hai tình tiết tăng nặng trở lên, mức phạt tiền là 10.000.000 đồng.

Đối với hành vi tự ý tháo bỏ, di chuyển hoặc có hành vi khác làm thay đổi tình trạng niêm phong kho tài liệu, chứng từ, sổ kế toán và các tài liệu khác, kết quỹ, kho hàng, kho nguyên liệu, máy móc, nhà xưởng.

#### **IV. HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT ĐỐI VỚI HÀNH VI TRỐN THUẾ**

Cá nhân, tổ chức có hành vi trốn thuế ngoài việc phải nộp đủ số tiền thuế trốn theo quy định còn bị xử phạt tiền theo số lần tính theo số tiền thuế trốn. Mức phạt theo lần thuế trốn dưới đây đối với mỗi hành vi vi phạm tối đa không quá 100.000.000 đồng, trừ trường hợp các luật thuế có quy định khác.

**1.** Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là 1,5 lần số tiền thuế trốn;

- Trường hợp có tình tiết giảm nhẹ, mức phạt tiền là 1 lần số thuế trốn;

- Trường hợp có tình tiết tăng nặng, mức phạt tiền là 2 lần số thuế trốn.

Đối với một trong những hành vi sau:

a) Để ngoài sổ kế toán số liệu kế toán hoặc ghi sổ kế toán không đúng quy định của chế độ kế toán làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số thuế được hoàn hoặc được miễn, giảm;

b) Sửa chữa, tẩy xóa chứng từ kế toán, sổ kế toán nhằm làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số thuế được hoàn hoặc được miễn, giảm;

c) Lập thủ tục hủy vật tư, hàng hóa hoặc giảm số lượng, giá trị vật tư, hàng hóa không đúng thực tế làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số thuế được hoàn hoặc được miễn, giảm;

d) Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ lập hóa đơn trên liên giao cho khách hàng lớn hơn liên lưu về số lượng; giá trị;

đ) Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ lập hóa đơn ghi giá trị thấp hơn từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với giá bán trung bình của hàng hóa, dịch vụ cùng loại trên thị trường địa phương nơi bán hàng, trừ những trường hợp sau:

đ.1) Bán hàng tươi sống kém chất lượng;

đ.2) Bán hàng hóa tồn kho do chất lượng giảm, lạc hậu về hình thức, không phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng;

đ.3) Bán hàng hóa nông sản, thực phẩm theo mùa vụ;

đ.4) Bán hàng hóa để khuyến mại theo quy định của pháp luật;

đ.5) Hạ giá bán hàng hóa trong trường hợp phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh, chuyển hướng sản xuất, kinh doanh.

Các trường hợp hạ giá bán quy định tại điểm này phải được niêm yết công khai, rõ ràng tại cửa hàng, nơi giao dịch về mức giá cũ, mức giá mới, thời gian hạ giá;

e) Sử dụng hóa đơn giả, hóa đơn của đơn vị khác, hóa đơn đã hết giá trị sử dụng để bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ nhưng không kê khai đầy đủ số thuế phải nộp;

g) Kê khai, xác định không đúng các căn cứ tính thuế theo quy định của từng sắc thuế làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số thuế được hoàn hoặc được miễn, giảm, bao gồm:

g.1) Kê khai sai nguồn gốc, mục đích sử dụng, chủng loại, số lượng, quy cách, thực trạng hàng hóa, dịch vụ, giá tính thuế, thuế suất và mã số thuế;

g.2) Kê khai sai đối tượng, mặt hàng, loại hình kinh doanh, địa bàn hoạt động để gian lận thu nhập được miễn thuế, giảm thuế; khai báo doanh thu không đầy đủ hoặc kê khai các khoản chi phí

thực tế không phát sinh làm giảm thu nhập chịu thuế;

g.3) Không quyết toán hoặc không khai báo lại với cơ quan thuế về hàng hóa, dịch vụ hoặc thu nhập đã được miễn, giảm thuế, hoàn thuế nhưng thực tế được sử dụng vào mục đích khác thuộc diện phải truy nộp thuế;

g.4) kê khai trong chi phí tính thuế các khoản không được phép tính vào chi phí hợp lý để xác định thu nhập chịu thuế được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

g.5) Các khoản chi có đủ chứng từ hợp lệ nhưng kê khai vượt mức khống chế tối đa theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp phải loại trừ ra khỏi chi phí hợp lý để xác định thu nhập chịu thuế;

h) Lưu thông hàng hóa, nguyên, vật liệu không có chứng từ kèm theo để chứng minh lô hàng đã nộp thuế hoặc đã được cơ quan thuế quản lý theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại điểm 2 Mục III Phần B Thông tư này;

i) Các hành vi khác, ngoài các hành vi quy định tại Mục IV Phần B Thông tư này, làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số thuế được hoàn hoặc được miễn, giảm.

**2.** Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là 2,5 lần;

- Trường hợp có tình tiết giảm nhẹ, mức phạt tiền là 2 lần;

- Trường hợp có tình tiết tăng nặng, mức phạt tiền là 3 lần.

Đối với một trong những hành vi sau:

a) Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ không lập hóa đơn và không kê khai nộp thuế đầy đủ;

b) Báo hủy hóa đơn đã sử dụng cung ứng hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng nhằm mục đích làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số thuế được hoàn hoặc được miễn, giảm.

**3.** Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là 4 lần;

- Trường hợp có tình tiết giảm nhẹ, mức phạt tiền là 3 lần;

- Trường hợp có tình tiết tăng nặng, mức phạt tiền là 5 lần.

Đối với một trong những hành vi sau:

a) Sử dụng hóa đơn khống hoặc các chứng từ kế toán khống khác nhằm mục đích làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số thuế được hoàn hoặc được miễn, giảm;

b) Hủy bỏ chứng từ kế toán, sổ kế toán nhằm mục đích làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số thuế được hoàn hoặc được miễn, giảm;

c) Lập hai hệ thống sổ kế toán có nội dung ghi khác nhau nhằm mục đích làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số thuế được hoàn hoặc được miễn, giảm;

d) Kinh doanh không kê khai, đăng ký thuế.

**4.** Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại các điểm 1, điểm 2, điểm 3 Mục IV Phần B Thông tư này mà không xác định được chính xác số thuế phải nộp sẽ bị áp dụng biện pháp ấn định số thuế phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế.

**5.** Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm sử dụng hóa đơn khống thì ngoài việc bị xử phạt theo quy định tại tiết a điểm 3 Mục IV Phần B Thông tư này còn bị áp dụng biện pháp tạm đình chỉ sử dụng hóa đơn theo quy định tại tiết b điểm 3.2 Mục C Thông tư số 120/2002/TT-BTC ngày 30/12/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 89/2002/NĐ-CP ngày 07/11/2002 của Chính phủ về việc in, phát hành, sử dụng, quản lý hóa đơn.

**6.** Những chứng từ, hóa đơn, sổ kế toán là tang vật vi phạm hành chính có thể bị áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính.

**7.** Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại tiết a, b (trừ trường hợp tẩy xóa, sửa chữa hóa đơn) điểm 1; tiết b (trừ

trường hợp hủy bỏ hóa đơn), tiết c điểm 3 Mục IV Phần B Thông tư này trước thời điểm quy định tại điểm 3 Mục VI Phần A Thông tư này thì không xử phạt về hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều này mà xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.

**8.** Cá nhân, tổ chức có hành vi quy định tại tiết c (trừ trường hợp tẩy xóa, sửa chữa chứng từ kế toán khác hoặc sổ kế toán), tiết d, tiết đ, tiết e điểm 1; điểm 2; tiết a, tiết b (trừ trường hợp hủy bỏ chứng từ kế toán khác hoặc sổ kế toán) điểm 3 Mục IV Phần B Thông tư này trước thời điểm quy định tại điểm 3 Mục VI Phần A Thông tư này thì không xử phạt về hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều này mà xử phạt theo quy định của Chính phủ về in, phát hành, sử dụng, quản lý hóa đơn.

**9.** Trường hợp đối tượng nộp thuế theo phương pháp kê khai đang trong thời hạn hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp bị phát hiện có những vi phạm như tăng chi phí để tăng số lỗ, tăng chi phí để giảm lãi, giảm chi phí để tăng lãi và xác định không đúng các điều kiện để được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp thì:

- Nếu vi phạm được kiểm tra phát hiện ngay trong những năm được ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp thì không xử phạt trốn thuế mà thực hiện xử

phạt vi phạm hành chính khác liên quan;

- Nếu những vi phạm nêu trên chưa được kiểm tra phát hiện mà cá nhân, tổ chức không tự điều chỉnh hậu quả làm giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tiếp sau khi hết thời hạn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp thì những vi phạm trên sẽ bị xử phạt trốn thuế.

## C. THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

### I. THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH CỦA CƠ QUAN THUẾ

Trừ trường hợp luật thuế có quy định khác về mức phạt, những người sau đây có quyền:

**1. Nhân viên thuế đang thi hành công vụ có quyền:**

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000 đồng.

**2. Trạm trưởng Trạm Thuế, Đội trưởng Đội Thuế trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, có quyền:**

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng.

**3. Chi cục trưởng Chi cục Thuế, trong phạm vi địa bàn quản lý của mình, có quyền:**

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm 3 Mục IV Phần A Thông tư này.

**4. Cục trưởng Cục Thuế, trong phạm vi địa bàn quản lý của mình, có quyền:**

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm 3 Mục IV Phần A Thông tư này.

### II. THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH CỦA HẢI QUAN

Trừ trường hợp luật có quy định khác về mức phạt, những người sau đây theo chức năng, nhiệm vụ quản lý thu thuế đối với hàng hóa; nguyên, vật liệu xuất khẩu, nhập khẩu có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế như sau:

**1. Đội trưởng Đội nghiệp vụ thuộc Chi cục Hải quan có quyền:**

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

**2. Chi cục trưởng Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Cục Hải quan), Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:**

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 20.000.000 đồng.

**3. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:**

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp quy định tại điểm 3 Mục IV Phần A Thông tư này;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c và d khoản 3 Điều 12 của Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính.

**4. Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu thuộc Tổng cục Hải quan có quyền:**

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp quy định tại tiết b điểm 3 Mục IV Phần A Thông tư này.

### **III. THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THUẾ CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP**

Được thực hiện theo các Điều 28, Điều 29, Điều 30 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

### **IV. VIỆC ỦY QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THUẾ**

**1. Việc ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính thực hiện như sau:**

- a) Việc ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính do các chức danh quy định tại Điều 41 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính chỉ được thực hiện đối với cấp phó trực tiếp. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện bằng văn bản và trong trường hợp cấp trưởng vắng mặt;



b) Cấp phó được cấp trưởng ủy quyền có quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền của cấp trưởng mà mình được ủy quyền và phải chịu trách nhiệm về quyết định xử phạt vi phạm hành chính do mình thực hiện. Người được ủy quyền không được ủy quyền tiếp cho bất kỳ cá nhân nào khác.

**2. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại các Mục I, Mục II, Mục III Phần C Thông tư này được quy định:**

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương;

b) Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt do người thụ lý đầu tiên thực hiện;

c) Thẩm quyền phạt tiền được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính;

d) Thẩm quyền áp dụng hình thức tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải căn cứ giá trị thực tế của tang vật, phương tiện vi phạm để xác định thẩm quyền;

đ) Thẩm quyền áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật cho phép chức danh đó có thẩm quyền áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả;

đồng thời căn cứ vào hành vi vi phạm cụ thể có quy định việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

e) Trong trường hợp mức tiền phạt, trị giá tang vật phương tiện bị tịch thu hoặc một trong các hình thức xử phạt hoặc biện pháp khắc phục hậu quả không thuộc thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền thì người đang thụ lý vụ việc vi phạm phải kịp thời chuyển vụ việc vi phạm đó đến người có thẩm quyền xử phạt.

**3. Trong trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt được xác định như sau:**

a) Nếu hình thức, mức xử phạt được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt, thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;

b) Nếu hình thức, mức xử phạt được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt, thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt.

## D. THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT

### I. THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

#### 1. Xử phạt cảnh cáo: xử phạt cảnh cáo

được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhỏ, lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ hoặc đối với mọi hành vi vi phạm hành chính do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện. Cảnh cáo được quyết định bằng văn bản.

**2. Thủ tục xử phạt đơn giản:** xử phạt theo thủ tục đơn giản là trường hợp xử phạt, theo đó người có thẩm quyền xử phạt không lập biên bản mà ra quyết định xử phạt tại chỗ. Những trường hợp được tiến hành xử phạt theo thủ tục đơn giản bao gồm:

a) Hành vi vi phạm hành chính mà mức phạt quy định là cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 100.000 đồng;

b) Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính mà hình thức và mức phạt quy định đối với mỗi hành vi này đều là phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 100.000 đồng;

c) Trong trường hợp xử phạt theo thủ tục đơn giản, người có thẩm quyền không lập biên bản mà quyết định xử phạt tại chỗ. Quyết định xử phạt phải theo mẫu số 05 kèm theo Thông tư này. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt có thể nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt và được nhận biên lai thu tiền phạt do Bộ Tài chính phát hành (mẫu số CTT11).

**3. Lập biên bản về vi phạm hành chính**

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế đang thi hành công vụ, khi phát hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, có trách nhiệm lập biên bản kịp thời; trừ trường hợp xử phạt theo thủ tục đơn giản và trường hợp phạt nộp chậm tiền thuế, tiền phạt theo quy định của pháp luật về thuế.

Biên bản phải được lập thành ít nhất 02 bản; phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; nếu có người chứng kiến thì họ cũng phải ký vào biên bản; trong trường hợp biên bản gồm nhiều tờ thì người lập biên bản phải ký vào từng tờ biên bản. Trường hợp cá nhân, đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến từ chối ký biên bản thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản và cá nhân, cơ quan đang tiến hành thanh tra, kiểm tra vẫn thực hiện những kiến nghị, quyết định tại biên bản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những kết luận, kiến nghị đó.

Biên bản lập xong phải được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm một bản; trong trường hợp người lập biên bản không có thẩm quyền xử phạt thì thủ trưởng của người đó là người có thẩm quyền xử phạt cũng phải ký tên vào biên bản; trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh trước khi ký biên bản; nếu vụ vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì người đó phải gửi biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt.

#### 4. Thời hạn ra quyết định xử phạt

a) Đối với vụ việc đơn giản, hành vi vi phạm rõ ràng, không cần xác minh thêm thì phải ra quyết định xử phạt trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày lập biên bản về hành vi vi phạm hành chính. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải theo đúng mẫu quy định;

b) Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp như tang vật, phương tiện cần giám định, cần xác định rõ đối tượng vi phạm hành chính hoặc những tình tiết phức tạp khác thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản;

c) Trong trường hợp xét thấy cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì chậm nhất là 10 ngày, trước khi hết thời hạn được quy định tại điểm b trên đây, người có thẩm quyền xử phạt phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản; thời gian gia hạn không quá 30 ngày.

Quá thời hạn nêu trên, người có thẩm quyền xử phạt không được ra quyết định xử phạt; trong trường hợp không ra quyết định xử phạt thì vẫn có thể áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm 3 Mục IV Phần A Thông tư này và tịch thu tang vật vi phạm hành chính thuộc loại cấm lưu hành, lưu thông;

d) Người có thẩm quyền xử phạt nếu có lỗi trong việc để quá thời hạn mà không ra quyết định xử phạt thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị thi hành kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

đ) Khi quyết định xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính, thì người có thẩm quyền chỉ ra một quyết định xử phạt trong đó quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm, nếu hình thức xử phạt là phạt tiền thì cộng dồn lại thành mức phạt chung;

e) Quyết định xử phạt được gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt và cơ quan thu tiền phạt trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định xử phạt.

5. Tổng cục Thuế hướng dẫn Cục Thuế các địa phương thiết kế các mẫu biên bản và quyết định xử phạt kèm theo Thông tư này cho phù hợp với từng nội dung vụ việc.

#### 6. Việc đóng dấu quyết định xử phạt vi phạm hành chính

a) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của người có thẩm quyền xử phạt được đóng dấu cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi đó;

b) Đối với quyết định xử phạt của người có thẩm quyền xử phạt được ủy

quyền thì dấu được đóng lên 1/3 (một phần ba) chữ ký về phía bên trái chữ ký của người có thẩm quyền quyết định xử phạt;

c) Đối với quyết định xử phạt của những người có thẩm quyền xử phạt mà không có quyền đóng dấu trực tiếp thì quyết định xử phạt được đóng dấu cơ quan của người ra quyết định xử phạt vào góc trái tại phía trên của quyết định, nơi ghi tên cơ quan xử phạt và số, ký hiệu của quyết định xử phạt.

### **7. Nơi nộp tiền phạt, thời hạn nộp tiền phạt**

a) Cá nhân, tổ chức bị xử phạt phải nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước, trừ trường hợp đã nộp tiền phạt tại chỗ và những trường hợp quy định tại điểm 7b dưới đây;

b) Tại những vùng xa xôi, hẻo lánh, trên sông, trên biển, những vùng mà việc đi lại gặp khó khăn hoặc ngoài giờ hành chính thì cá nhân, tổ chức bị xử phạt có thể nộp tiền phạt cho người có thẩm quyền xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt khi thu tiền phải cấp biên lai cho người nộp tiền theo quy định.

“Vùng xa xôi, hẻo lánh” là những vùng thuộc miền núi, hải đảo và những nơi khác không có hoặc cách quá xa Kho bạc Nhà nước;

c) Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, cá

nhân, tổ chức bị xử phạt phải nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt, trừ trường hợp đã nộp tiền phạt tại chỗ.

Trong trường hợp thu tiền phạt quy định tại điểm 7b nêu trên, người thu tiền phạt phải nộp vào Kho bạc Nhà nước trong thời hạn hai ngày; đối với trường hợp thu tiền phạt trên sông, trên biển, thời hạn 2 ngày kể từ ngày vào đến bờ.

### **8. Thủ tục tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính**

Khi tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được ghi trong quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản. Trong biên bản phải ghi rõ tên, số lượng, chủng loại, số đăng ký (nếu có), tình trạng, chất lượng của vật, tiền, hàng hóa, phương tiện bị tịch thu và phải có chữ ký của người tiến hành tịch thu, người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt và người chứng kiến.

Trong trường hợp cần niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm thì phải tiến hành ngay trước mặt người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt và người chứng kiến; nếu người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt vắng mặt thì phải có hai người chứng kiến.

### **9. Xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính**

a) Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu thì người quyết định tịch thu có trách nhiệm bảo quản tang vật, phương tiện.

- Nếu tang vật, phương tiện của một vụ vi phạm hành chính có giá trị từ 10.000.000 đồng trở lên thì người quyết định tịch thu phải giao cho Trung tâm dịch vụ bán đấu giá cấp tỉnh nơi có tang vật, phương tiện bị tịch thu. Nếu tang vật, phương tiện của một vụ vi phạm hành chính có giá trị dưới 10.000.000 đồng thì người quyết định tịch thu phải giao cho cơ quan tài chính cấp huyện tổ chức bán đấu giá. Việc bán đấu giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá;

- Tiền thu được từ bán đấu giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, sau khi trừ các chi phí theo quy định của pháp luật, phải được nộp vào ngân sách nhà nước qua tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước;

b) Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là văn hóa phẩm độc hại, hàng giả không có giá trị sử dụng, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng bị buộc tiêu hủy thì người có thẩm quyền phải lập Hội đồng xử lý để tiêu hủy. Tùy thuộc vào tính chất của tang vật, phương tiện, thành phần Hội đồng xử lý gồm đại diện các cơ quan nhà nước hữu quan. Việc tiêu hủy

tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải được lập biên bản có chữ ký của các thành viên Hội đồng xử lý;

c) Đối với hàng hóa, vật phẩm, phương tiện bị buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc bị buộc tái xuất, thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam trong thời hạn ghi trong quyết định xử phạt;

d) Đối với tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng thì người có thẩm quyền phải tiến hành lập biên bản và tổ chức bán ngay. Tiền thu được phải nộp vào tài khoản tạm giữ của cơ quan tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước. Nếu sau đó theo quyết định của người có thẩm quyền, tang vật đó bị tịch thu thì tiền thu được phải nộp vào ngân sách nhà nước; trong trường hợp tang vật đó không bị tịch thu thì tiền thu được phải trả cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp;

đ) Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, trừ tang vật, phương tiện quy định tại các tiết b, c, d điểm 9 Mục I Phần D Thông tư này, mà không biết rõ chủ sở hữu, người quản lý, người sử dụng hợp pháp hoặc những người này không đến nhận thì người có thẩm quyền tịch thu phải thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan của người có thẩm quyền tịch thu; trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo được niêm yết

công khai, nếu không xác định được chủ sở hữu, người quản lý, người sử dụng hợp pháp hoặc những người này không đến nhận thì người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm để xử lý theo quy định tại tiết a điểm 9 Mục I Phần D Thông tư này;

e) Đối với tang vật, phương tiện bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp;

g) Chi phí lưu kho, phí bến bãi, phí bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và các khoản chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật được trừ vào tiền bán tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Không thu phí lưu kho, phí bến bãi, phí bảo quản trong thời gian tang vật, phương tiện bị tạm giữ nếu chủ tang vật, phương tiện không có lỗi trong việc vi phạm hành chính hoặc không áp dụng biện pháp tịch thu đối với tang vật, phương tiện.

## II. THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT

### 1. Chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế được quy định như sau:

a) Cá nhân, tổ chức bị xử phạt phải chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Sau khi ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt phải giao quyết định cho người bị xử phạt hoặc thông báo cho họ đến nhận; thời điểm người bị xử phạt nhận được quyết định xử phạt được coi là thời điểm được giao quyết định xử phạt;

b) Nếu cá nhân, tổ chức bị xử phạt không tự nguyện chấp hành đúng thời hạn quy định tại điểm a nêu trên thì bị cưỡng chế thi hành;

c) Trường hợp đã qua một năm, mà người có thẩm quyền không thể giao quyết định xử phạt đến người bị xử phạt do người đó không đến nhận và không xác định được địa chỉ của họ hoặc lý do khách quan khác thì người đã ra quyết định xử phạt ra quyết định đình chỉ thi hành các hình thức xử phạt chính và biện pháp khắc phục hậu quả ghi trong quyết định; nhưng vẫn thực hiện hình thức xử phạt bổ sung như tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính đã được ghi trong quyết định xử phạt.

### 2. Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

2.1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng quá thời hạn

được quy định tại điểm 1 Mục II Phần D Thông tư này mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành bằng các biện pháp sau đây:

a) Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính khác.

Tổ chức, cá nhân chi trả lương, thu nhập hoặc ngân hàng, tổ chức tài chính, tín dụng khác nơi tổ chức, cá nhân bị xử phạt mở tài khoản có trách nhiệm thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp tài khoản của cá nhân, tổ chức bị xử phạt không có số dư hoặc số dư không đủ nộp thuế, nộp phạt thì ngay sau khi tài khoản của cá nhân, tổ chức bị xử phạt có số dư, ngân hàng, tổ chức tài chính, tín dụng khác phải trích nộp ngân sách nhà nước số tiền thuế, tiền phạt còn thiếu trước khi thực hiện những lệnh chuyển tiền khác của đối tượng bị xử phạt;

b) Tạm giữ hàng hóa, tang vật để bảo đảm thu đủ tiền thuế, tiền phạt;

c) Kê biên phần tài sản, hàng hóa có giá trị tương ứng với số tiền phạt, tiền thuế theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế để bán đấu giá;

d) Không được làm thủ tục xuất khẩu,

nhập khẩu cho chuyển hàng tiếp theo cho đến khi nộp đủ số tiền thuế, tiền phạt.

2.2. Thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế

Những người sau đây có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế và có nhiệm vụ tổ chức việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới:

a) Chi cục trưởng Chi cục Thuế;

b) Cục trưởng Cục Thuế;

c) Cục trưởng Cục Hải quan trực tiếp quản lý thu thuế;

d) Cục trưởng Cục điều tra chống buôn lậu thuộc Tổng cục Hải quan;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh.

2.3. Một số nội dung về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

a) Cá nhân, tổ chức nhận được quyết định cưỡng chế phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định cưỡng chế;

b) Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế;

c) Trong trường hợp cần thiết, việc cưỡng chế bằng các biện pháp quy định tại tiết b, tiết c điểm 2.1 Mục II Phần D Thông tư này phải được thông báo bằng

văn bản trước khi thi hành cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện việc cưỡng chế để phối hợp thực hiện;

d) Các cơ quan chức năng của Ủy ban nhân dân có trách nhiệm thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

đ) Lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc quyết định cưỡng chế của các cơ quan khác của Nhà nước khi được các cơ quan đó yêu cầu;

e) Thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thực hiện theo quy định của Chính phủ.

### **3. Hoãn chấp hành quyết định phạt tiền**

a) Cá nhân bị phạt tiền từ 500.000 đồng trở lên có thể được hoãn chấp hành quyết định xử phạt trong trường hợp đang gặp khó khăn đặc biệt về kinh tế và có đơn đề nghị được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận;

b) Thời hạn hoãn chấp hành quyết định phạt tiền không quá ba tháng, kể từ khi có quyết định hoãn;

c) Người đã ra quyết định phạt tiền có quyền quyết định hoãn chấp hành quyết định phạt tiền đó.

### **4. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự**

Khi xem xét để quyết định xử phạt những trường hợp vi phạm quy định tại các điểm 4 Mục III Phần B; điểm 1, 2, 3, 4 Mục IV Phần B Thông tư này, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Bộ Luật Hình sự thì người có thẩm quyền phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền.

Nghiêm cấm việc giữ lại các vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử phạt hành chính.

Trường hợp đã ra quyết định xử phạt, nếu sau đó phát hiện hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì người đã ra quyết định xử phạt phải hủy quyết định đó và trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày hủy quyết định xử phạt, phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền.

Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đã nhận hồ sơ vụ việc có trách nhiệm thông báo kết quả xử lý cho cơ quan đã chuyển giao hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự.

### **5. Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính**



Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế là một năm, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành; quá thời hạn này mà quyết định đó không được thi hành thì không thi hành quyết định xử phạt nữa nhưng vẫn áp dụng biện pháp quy định tại điểm 3 Mục IV Phần A Thông tư này nếu biện pháp đó được ghi trong quyết định. Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu nói trên được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn.

## D. KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

### I. KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế hoặc người đại diện hợp pháp của cá nhân, tổ chức đó có quyền khiếu nại về quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính.

2. Mọi công dân có quyền tố cáo về hành vi trái pháp luật trong xử lý vi phạm hành chính.

3. Thẩm quyền, thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện

theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

### II. KHỞI KIẾN HÀNH CHÍNH

Việc khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính, được thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

### III. KHEN THƯỞNG

1. Cá nhân, tổ chức có thành tích trong đấu tranh phòng chống các vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

2. Nghiêm cấm việc sử dụng tiền thu được từ xử phạt vi phạm hành chính hoặc tiền thu được từ bán hàng hóa, tang vật bị tịch thu để trích thưởng.

### IV. XỬ LÝ VI PHẠM

1. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính mà sách nhiễu, dung túng, bao che, không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, không đúng mức, xử lý vượt thẩm quyền quy định, có lỗi trong việc để quá thời hiệu, thời hạn xử lý vi phạm

hành chính thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**2.** Người bị xử lý vi phạm hành chính nếu có hành vi chống người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành hoặc có những hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

### E. HIỆU LỰC THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Thông tư số 128/1998/TT-BTC ngày 22

tháng 9 năm 1998, Thông tư số 30/2001/TT-BTC ngày 16/5/2001 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 128/1998/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 1998, Thông tư số 114/1999/TT-BTC ngày 23 tháng 9 năm 1999 bổ sung Thông tư số 128/1998/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 22/CP ngày 17 tháng 4 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để giải quyết kịp thời./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Thứ trưởng*

**Trương Chí Trung**

09638941

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 2004*

**Phụ lục**

**DANH MỤC MỘT SỐ MẪU BIÊN BẢN VÀ QUYẾT ĐỊNH  
SỬ DỤNG TRONG XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

*(kèm theo Thông tư số 41/2004/TT-BTC  
ngày 18/5/2004 của Bộ Tài chính).*

1. Mẫu biên bản số 01: Biên bản về vi phạm hành chính.
2. Mẫu biên bản số 02: Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.
3. Mẫu quyết định số 02: Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.
4. Mẫu quyết định số 05: Quyết định xử phạt cảnh cáo theo thủ tục đơn giản.
5. Mẫu quyết định số 06: Quyết định phạt tiền theo thủ tục đơn giản.
6. Mẫu quyết định số 07: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
7. Mẫu quyết định số 08: Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt.
8. Mẫu quyết định số 09: Quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính trong trường hợp không áp dụng xử phạt hành chính.
9. Mẫu BGN/02-3L bản giao nhận lệnh thu, quyết định cưỡng chế.

Mẫu biên bản số 01

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN<sup>1</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-VPHC

A<sup>2</sup> ..... ,ngày.....tháng..... năm .....**BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ.....<sup>3</sup>**

Hôm nay, hồi.....giờ..... ngày..... tháng ..... năm..... tại .....

Chúng tôi gồm <sup>4</sup>:

1.....Chức vụ: .....

2.....Chức vụ: .....

.....

**Với sự chứng kiến của:** <sup>5</sup>

1..... Nghề nghiệp/chức vụ .....

Địa chỉ thường trú (tạm trú): .....

Giấy chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp: ..... ; Nơi cấp:..... ;

2..... Nghề nghiệp/chức vụ: ..... Địa chỉ thường trú: .....

Giấy chứng minh nhân dân số: ..... Ngày cấp: ..... ; Nơi cấp:..... ;

..... ,

**Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về <sup>6</sup> ..... đối với :**Ông (bà)/tổ chức <sup>7</sup>: .....Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động): .....

Địa chỉ: .....

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD.....

<sup>1</sup> Nếu biên bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp lập thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương..., huyện, thành phố thuộc tỉnh..., xã... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

<sup>2</sup> Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

<sup>3</sup> Ghi lĩnh vực quản lý nhà nước.

<sup>4</sup> Ghi rõ họ tên, chức vụ người lập biên bản.

<sup>5</sup> Họ và tên người làm chứng. Nếu có đại diện chính quyền phải ghi rõ họ tên, chức vụ.

<sup>6</sup> Ghi lĩnh vực quản lý nhà nước như chú thích số 3.

<sup>7</sup> Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

Cấp ngày.....tại ..... ;

Đã có các hành vi vi phạm hành chính như sau <sup>8</sup>: .....

*Các hành vi trên đã vi phạm vào Điều..... khoản..... điểm..... của Nghị định số..... quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực <sup>9</sup> .....*

**Người bị thiệt hại/tổ chức bị thiệt hại <sup>10</sup> :**

Họ tên:..... ;

Địa chỉ: .....

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD..... ;

Cấp ngày..... tại .....

*Ý kiến trình bày của người vi phạm hành chính /đại diện tổ chức vi phạm hành chính:*

*Ý kiến trình bày của người làm chứng:*

*Ý kiến trình bày của người /đại diện tổ chức bị thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra (nếu có):*

Người có thẩm quyền xử phạt đã yêu cầu Ông (bà)/tổ chức đình chỉ ngay hành vi vi phạm.

**Các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính được áp dụng gồm:**

.....

Chúng tôi tạm giữ những tang vật, phương tiện, vi phạm hành chính và giấy tờ sau để chuyển về:..... để cấp có thẩm quyền giải quyết.

Số thứ tự	Tên tang vật, phương tiện, giấy tờ bị tạm giữ	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng <sup>11</sup>	Ghi chú <sup>12</sup>

<sup>8</sup> Ghi cụ thể giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; mô tả hành vi vi phạm.

<sup>9</sup> Ghi lĩnh vực quản lý nhà nước theo chú thích số 3.

<sup>10</sup> Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức bị thiệt hại.

<sup>11</sup> Nếu là phương tiện ghi thêm số đăng ký, nếu là ngoại tệ thì ghi xê ri của từng tờ.

<sup>12</sup> Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm (hoặc đại diện của tổ chức vi phạm), có sự chứng kiến của đại diện gia đình, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền không, nếu không có phải ghi rõ có sự chứng kiến của Ông (bà)...

Ngoài những tang vật, phương tiện, giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Yêu cầu Ông (bà)/đại diện tổ chức vi phạm có mặt tại <sup>13</sup>..... lúc .....giờ.....ngày .....tháng ..... năm để giải quyết vụ vi phạm.

Biên bản được lập thành ..... bản có nội dung và giá trị như nhau, và được giao cho người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm một bản và .....<sup>14</sup>

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)<sup>15</sup>:

Biên bản này gồm .....trang, được những người có mặt cùng ký xác nhận vào từng trang.

**NGƯỜI VI PHẠM  
(HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM)**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI BỊ THIẾT HẠI  
(HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC  
BỊ THIẾT HẠI)**  
(Ký, ghi rõ họ tên).

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN  
(NẾU CÓ)**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lý do người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản <sup>16</sup>:

.....

Lý do người bị thiệt hại, đại diện tổ chức bị thiệt hại không ký biên bản <sup>17</sup>:

.....

<sup>13</sup> Ghi rõ địa chỉ trụ sở nơi cá nhân, tổ chức vi phạm phải có mặt.

<sup>14</sup> Ghi cụ thể những người, tổ chức được giao biên bản.

<sup>15</sup> Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

<sup>16</sup>, <sup>17</sup> Người lập biên bản phải ghi rõ lý do những người này từ chối không ký biên bản.

Mẫu biên bản số 02

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN <sup>18</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-TG-TVPT

A<sup>19</sup> ..... ,ngày.....tháng..... năm .....

**BIÊN BẢN**  
**TẠM GIỮ TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

Căn cứ Điều 45, Điều 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Điều ..... Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực <sup>20</sup> .....

Căn cứ Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số..... ngày..... tháng..... năm do <sup>21</sup> ..... chức vụ ..... ký;

Để có cơ sở xác minh thêm vụ việc vi phạm hành chính/hoặc ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính,

Hôm nay, hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm..... tại.....,

Chúng tôi gồm <sup>22</sup>:

1. .... Chức vụ: .....

2. .... Chức vụ: .....

.....,

**Người vi phạm hành chính là:**

Ông (bà)/tổ chức <sup>23</sup>:..... ;

<sup>18</sup> Nếu người lập biên bản là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thì ghi Ủy ban nhân dân xã, thị trấn... mà không ghi cơ quan chủ quản.

<sup>19</sup> Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

<sup>20</sup> Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

<sup>21</sup> Ghi họ tên, chức vụ của người ký quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

<sup>22</sup> Họ tên, chức vụ người lập biên bản.

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động): .....

Địa chỉ: .....

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD..... ;

Cấp ngày .....tại .....

**Với sự chứng kiến của <sup>24</sup>:**

1..... Nghề nghiệp:..... ;

Địa chỉ thường trú:..... ;

Giấy chứng minh nhân dân số:.....; Ngày cấp: .....;Nơi cấp:.....;

2. .... Nghề nghiệp:..... ;

Địa chỉ thường trú:..... ;

Giấy chứng minh nhân dân số:.....Ngày cấp: ..... Nơi cấp:..... ;

..... ,

Tiến hành lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, gồm:

.....

Số thứ tự	Tên tang vật, phương tiện bị tạm giữ	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện <sup>25</sup>	Ghi chú <sup>26</sup>

Ngoài những tang vật, phương tiện nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Biên bản được lập thành hai bản có nội dung và giá trị như nhau. Một bản được giao cho cá nhân, đại diện tổ chức vi phạm.

Biên bản này gồm .....trang, được cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm, người làm chứng, người lập biên bản ký xác nhận vào từng trang.

<sup>23</sup> Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

<sup>24</sup> Họ và tên người làm chứng. Nếu có đại diện chính quyền phải ghi rõ họ tên, chức vụ.

<sup>25</sup> Nếu là phương tiện phải ghi số đăng ký.

<sup>26</sup> Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm, có sự chứng kiến của đại diện gia đình, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền không, nếu không có phải ghi rõ có sự chứng kiến của Ông (bà)...



Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)<sup>27</sup>

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH  
TẠM GIỮ**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI VI PHẠM  
(HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM)**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

<sup>27</sup> Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

*Mẫu quyết định số 02*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN <sup>28</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TGTVPT A<sup>29</sup> ..... ,ngày.....tháng..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**TẠM GIỮ TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN**  
**VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

Căn cứ Điều 45, Điều 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Điều..... Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực <sup>30</sup> .....

Xét .....<sup>31</sup>;

Tôi,.....<sup>32</sup>; Chức vụ:.....;

Đơn vị..... ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Tạm giữ: Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của Ông (bà)/tổ chức <sup>33</sup>: .....

<sup>28</sup> Nếu Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thì ghi Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.....mà không ghi cơ quan chủ quản.

<sup>29</sup> Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

<sup>30</sup> Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

<sup>31</sup> Ghi rõ lý do tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính như để xác minh tình tiết làm căn cứ để quyết định xử lý vi phạm hành chính hoặc ngăn chặn ngay hành vi vi phạm. Nếu người tạm giữ không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, thì phải ghi rõ thêm căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có thể bị tẩu tán, tiêu hủy.

<sup>32</sup> Họ tên người ra Quyết định tạm giữ.

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):..... ;

Địa chỉ: ..... ;

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD..... ;

Cấp ngày..... tại ..... ;

**Lý do:**

- Đã có hành vi vi phạm hành chính: <sup>34</sup> ...

Quy định tại điểm..... khoản..... Điều..... Nghị định số..... quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực <sup>35</sup> .....

Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được lập biên bản (kèm theo Quyết định này).

**Quyết định này được gửi cho:**

1. Ông (bà)/tổ chức: ..... để chấp hành;

2. ....<sup>36</sup>;

3. ....

Quyết định này gồm ..... trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

(Ký, ghi rõ họ tên)

*Ý kiến Thủ trưởng của người ra Quyết định tạm giữ* <sup>37</sup>

<sup>33</sup> Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

<sup>34</sup> Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

<sup>35</sup> Ghi cụ thể từng điều, khoản, mức phạt của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước (theo chú thích số 3) mà cá nhân, tổ chức vi phạm.

<sup>36</sup> Trường hợp người Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính thì Quyết định này phải được gửi để báo cáo cho Thủ trưởng của người ra Quyết định tạm giữ.

<sup>37</sup> Thủ trưởng của người ra Quyết định tạm giữ (người tạm giữ không có thẩm quyền theo quy định tại Điều 45 Pháp lệnh) có ý kiến về việc tạm giữ, đồng ý hoặc không đồng ý.

Mẫu quyết định số 05

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN<sup>38</sup>  
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-XPHC

A<sup>39</sup> ..... ,ngày.....tháng..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**  
**BẰNG HÌNH THỨC PHẠT CẢNH CÁO VỀ<sup>40</sup>**  
**(Theo thủ tục đơn giản)**

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;  
Căn cứ Điều..... Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực<sup>41</sup> ..... ;  
Xét hành vi vi phạm hành chính do ..... thực hiện;  
Tôi, .....<sup>42</sup>; Chức vụ: ..... ;  
Đơn vị..... ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Xử phạt cảnh cáo đối với:**

Ông (bà)/tổ chức<sup>43</sup>: ..... ;

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động): ..... ;

Địa chỉ: ..... ;

<sup>38</sup> Nếu Quyết định xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương..., huyện, thành phố thuộc tỉnh..., xã.... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

<sup>39</sup> Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

<sup>40</sup> Ghi lĩnh vực quản lý nhà nước.

<sup>41</sup> Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

<sup>42</sup> Họ tên người ra Quyết định xử phạt.

<sup>43</sup> Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD..... ;

Cấp ngày ..... tại ..... ;

**Lý do:**

- Đã có hành vi vi phạm hành chính: <sup>44</sup>.....

Quy định tại điểm..... khoản..... Điều..... của Nghị định số..... ngày ..... tháng ..... năm quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực <sup>45</sup>.....

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm:

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Quyết định này được gửi cho:**

1. Ông (bà)/tổ chức <sup>46</sup>..... để chấp hành;
2. ....

Quyết định này gồm ..... trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

09638941

<sup>44</sup> Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

<sup>45</sup> Ghi cụ thể từng điều, khoản, mức phạt của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước (theo chú thích số 3) mà cá nhân, tổ chức vi phạm.

<sup>46</sup> Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

**Mẫu quyết định số 06**

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN** <sup>47</sup>  
**TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-XPHC

A<sup>48</sup> ..... , ngày..... tháng..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**  
**BẰNG HÌNH THỨC PHẠT TIỀN**  
**(Theo thủ tục đơn giản)**

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;  
 Căn cứ Điều..... Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong  
 lĩnh vực <sup>49</sup> ..... ;  
 Xét hành vi vi phạm do <sup>50</sup> ..... thực hiện;  
 Tôi, ..... <sup>51</sup>; Chức vụ:.....;  
 Đơn vị..... ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục đơn giản đối với:

Ông (bà)/tổ chức <sup>52</sup>:.....;

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....;

Địa chỉ: .....

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD.....;

Cấp ngày .....tại .....

<sup>47</sup> Nếu Quyết định xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương..., huyện, thành phố thuộc tỉnh..., xã... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

<sup>48</sup> Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

<sup>49</sup> Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

<sup>50</sup> Ghi họ tên người /đại diện tổ chức vi phạm.

<sup>51</sup> Họ tên người ra Quyết định xử phạt.

<sup>52</sup> Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

**Bảng hình thức phạt tiền với mức phạt là:** ..... đồng  
(Ghi bằng chữ.....).

**Lý do:**

- Đã có hành vi vi phạm hành chính: <sup>53</sup> .....

Hành vi của Ông (bà)/tổ chức..... đã vi phạm quy định tại điểm .....  
khoản..... Điều... của Nghị định số..... ngày ..... tháng ..... năm quy  
định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực <sup>54</sup> .....

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm:

**Điều 2.** Ông (bà)/tổ chức..... phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử  
phạt trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt là ngày  
..... tháng .....năm ..... trừ trường hợp ..... <sup>55</sup>. Quá thời hạn này, nếu  
Ông (bà)/tổ chức ..... cố tình không chấp hành Quyết định xử phạt thì bị cưỡng  
chế thi hành.

Số tiền phạt quy định tại Điều 1 phải nộp ngay cho người ra Quyết định xử phạt  
và được nhận biên lai thu tiền phạt hoặc tại điểm thu phạt số... của Kho bạc Nhà  
nước ..... <sup>56</sup> trong vòng mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt

Ông (bà)/tổ chức..... có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với Quyết định  
xử phạt vi phạm hành chính này theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này được giao cho:

1. Ông (bà)/tổ chức: ..... để chấp hành;
2. Kho bạc ..... để thu tiền phạt;
- 3.....

Quyết định này gồm ..... trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

<sup>53</sup> Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

<sup>54</sup> Ghi cụ thể từng điều, khoản, mức phạt của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước (theo chú thích số 3) mà cá nhân, tổ chức vi phạm.

<sup>55</sup> Ghi rõ lý do.

<sup>56</sup> Ghi rõ tên, địa chỉ Kho bạc.

*Mẫu quyết định số 07*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN <sup>57</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-XPHC

A<sup>58</sup> ..... ,ngày.....tháng..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ** <sup>59</sup>

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Điều..... Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực <sup>60</sup> .....

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính do <sup>61</sup> ..... lập hồi .....giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm .....tại .....

Tôi, ..... <sup>62</sup>; Chức vụ:.....;

Đơn vị..... ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

Ông (bà)/tổ chức <sup>63</sup>: .....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động): .....

Địa chỉ: .....

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD.....;

Cấp ngày .....tại.....;

<sup>57</sup> Nếu Quyết định xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương..., huyện, thành phố thuộc tỉnh..., xã... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

<sup>58</sup> Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

<sup>59</sup> Ghi lĩnh vực quản lý nhà nước.

<sup>60</sup> Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước (theo chú thích số 3).

<sup>61</sup> Ghi họ tên, chức vụ người lập biên bản.

<sup>62</sup> Họ tên người ra Quyết định xử phạt.

<sup>63</sup> Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.



**Với các hình thức sau:**

## 1. Hình thức xử phạt chính:

Cảnh cáo/phạt tiền với mức phạt là: ..... đồng. (Viết bằng chữ: .....).

## 2. Hình thức phạt bổ sung (nếu có):

1. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề:..... .

2. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính gồm:

.....

## 3. Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):

**Lý do:**

- Đã có hành vi vi phạm hành chính: <sup>64</sup> .....

Quy định tại điểm ..... khoản ..... Điều ..... của Nghị định số..... ngày ..... tháng ..... năm ..... quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực <sup>65</sup> .....

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm: .....

**Điều 2.** Ông (bà)/tổ chức ..... phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt là ngày ..... tháng ..... năm ..... trừ trường hợp được hoãn chấp hành hoặc..... <sup>66</sup>

Quá thời hạn này, nếu Ông (bà)/tổ chức ..... cố tình không chấp hành Quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành.

Số tiền phạt quy định tại Điều 1 phải nộp vào tài khoản số: ..... của Kho bạc Nhà nước..... <sup>67</sup> trong vòng mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt.

Ông (bà)/tổ chức ..... có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính này theo quy định của pháp luật.

<sup>64</sup> Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

<sup>65</sup> Ghi cụ thể từng điều, khoản, mức phạt của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước (theo chú thích số 3) mà cá nhân, tổ chức vi phạm.

<sup>66</sup> Ghi rõ lý do.

<sup>67</sup> Ghi rõ tên, địa chỉ Kho bạc.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày .....tháng ..... năm .....<sup>68</sup>.

***Trong thời hạn ba ngày, Quyết định này được gửi cho:***

1. Ông (bà)/tổ chức: .....để chấp hành;
2. Kho bạc..... để thu tiền phạt;
- 3.....

Quyết định này gồm ..... trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

<sup>68</sup> Ngày ký Quyết định hoặc ngày do người có thẩm quyền xử phạt quyết định.

*Mẫu quyết định số 08*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN <sup>69</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-CC

A<sup>70</sup> ..... , ngày..... tháng..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CƯỜNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH**  
**XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**  
**VỀ <sup>71</sup>**

Căn cứ Điều 66 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;  
 Để đảm bảo thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về ..... số  
 ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....

Tôi, ..... <sup>72</sup>; Chức vụ: .....

Đơn vị: .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành Quyết định xử phạt vi phạm  
 hành chính số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của ..... về .....

Đối với: .....

Ông (bà)/tổ chức <sup>73</sup>: .....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động): .....

Địa chỉ: .....

<sup>69</sup> Nếu Quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương..., huyện, thành phố thuộc tỉnh..., xã... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

<sup>70</sup> Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

<sup>71</sup> Ghi lĩnh vực quản lý nhà nước.

<sup>72</sup> Ghi họ tên, chức vụ người ra Quyết định cưỡng chế.

<sup>73</sup> Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD .....

Cấp ngày ..... tại .....

**\* Biện pháp cưỡng chế <sup>74</sup>:**

**Điều 2.** Ông (bà)/tổ chức: ..... phải nghiêm chỉnh thực hiện Quyết định này và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày .....

Quyết định có ..... trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Quyết định này được giao cho Ông (bà)/tổ chức ..... để thực hiện.

Quyết định này được gửi cho:

1. .... để ..... <sup>75</sup>
2. .... để ..... <sup>76</sup>

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

<sup>74</sup> Ghi cụ thể biện pháp cưỡng chế, số tiền cưỡng chế, hoặc các biện pháp khắc phục phải thực hiện.

<sup>75</sup> Nếu biện pháp cưỡng chế là khấu trừ lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng thì Quyết định được gửi cho cơ quan, tổ chức nơi cá nhân làm việc hoặc ngân hàng để phối hợp thực hiện.

<sup>76</sup> Nếu biện pháp cưỡng chế là kê biên tài sản hoặc các biện pháp cưỡng chế khác để thực hiện tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh, buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện, buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hóa phẩm độc hại thì Quyết định được gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện việc cưỡng chế để phối hợp thực hiện.

**Mẫu quyết định số 09**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN <sup>77</sup>      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:            /QĐ-KPHQ

A<sup>78</sup> ..... , ngày..... tháng..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**  
**DO VI PHẠM HÀNH CHÍNH GÂY RA**  
**TRONG TRƯỜNG HỢP KHÔNG ÁP DỤNG XỬ PHẠT VỀ** <sup>79</sup>

Căn cứ Điều ..... <sup>80</sup> Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Điều..... Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực <sup>81</sup> .....

Vì..... <sup>82</sup> nên không áp dụng xử phạt vi phạm hành chính;

Để khắc phục triệt để hậu quả do vi phạm hành chính gây ra,

Tôi, ..... <sup>83</sup> ; Chức vụ:..... ;

Đơn vị..... ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính đối với Ông (bà)/tổ chức <sup>84</sup>: .....

<sup>77</sup> Nếu Quyết định khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương..., huyện, thành phố thuộc tỉnh..., xã... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

<sup>78</sup> Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

<sup>79</sup> Ghi lĩnh vực quản lý nhà nước.

<sup>80</sup> Nếu Quyết định khắc phục hậu quả trong trường hợp hết thời hiệu thì ghi căn cứ vào Điều 10, nếu trong trường hợp hết thời hạn ra Quyết định xử phạt thì ghi căn cứ vào Điều 56 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

<sup>81</sup> Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước (theo chú thích số 3).

<sup>82</sup> Ghi rõ lý do không xử phạt.

<sup>83</sup> Họ tên người ra Quyết định xử phạt.

<sup>84</sup> Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):..... ;

Địa chỉ: ..... ;

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD.....;

Cấp ngày..... tại..... ;

**Lý do:**

- Đã có hành vi vi phạm hành chính: <sup>85</sup> .....

Quy định tại điểm..... khoản ..... Điều..... của..... <sup>86</sup>.

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm: .....

Lý do không xử phạt vi phạm hành chính: .....

**Hậu quả cần khắc phục là:**

**Biện pháp để khắc phục hậu quả là:**

**Điều 2.** Ông (bà)/tổ chức..... phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định này trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định là ngày..... tháng..... năm..... trừ trường hợp..... <sup>87</sup>. Quá thời hạn này, nếu Ông (bà)/tổ chức..... cố tình không chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành.

Ông (bà)/tổ chức..... có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định này theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng.....năm..... <sup>88</sup>.

Quyết định này gồm... trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

**Trong thời hạn ba ngày, Quyết định này được gửi cho:**

1. Ông (bà)/tổ chức:..... để chấp hành;
2. ....;
- 3.....

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu).

<sup>85</sup> Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

<sup>86</sup> Ghi cụ thể từng điều, khoản, mức phạt của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước (theo chú thích số 3) mà cá nhân, tổ chức vi phạm.

<sup>87</sup> Ghi rõ lý do.

<sup>88</sup> Ngày ký Quyết định hoặc ngày do người có thẩm quyền quyết định.

Mẫu BGN/02-3L

.....(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 .....(2) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
 Số: . /BGN

.....ngày.....tháng..... năm.....

**BẢN GIAO NHẬN LỆNH THU, QUYẾT ĐỊNH CƯỠNG CHẾ**  
**(Liên 2: Giao bên nhận)**

Hôm nay, vào lúc..... giờ, ngày..... tháng..... năm.....  
 tại.....(3)

Chúng tôi gồm:

1. ....(4)..... Chức vụ:.....

Nơi công tác.....

2. ....(5)..... Chức vụ:.....

Nơi công tác .....

Tiến hành lập bản giao nhận

(6)..... số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....

(7)..... về việc yêu cầu.....(8) trích

nộp (hoặc khấu trừ) số tiền thuế, tiền phạt là:..... đồng đôi  
 với (9).....

Địa chỉ..... MST.....

Số tài khoản (10)..... Số dư:.....

Số tài khoản (10)..... Số dư:.....

để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận bản giao nhận này,.....  
 ..... (11) không thực hiện việc chuyển số tiền thuế, tiền  
 phạt nêu trên thì bản giao nhận này đồng thời là biên bản vi phạm hành chính  
 trong lĩnh vực thuế và ..... (12) sẽ bị xử phạt hành chính theo quy  
 định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số ..... ngày..... tháng..... năm 2003 của  
 Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

Trường hợp tài khoản của (13)..... không có số dư hoặc số dư nhỏ  
 hơn số tiền thuế, tiền phạt thì ngay sau khi tài khoản này có số dư .....  
 ..... (14) phải trích nộp ngân sách Nhà nước số tiền thuế, tiền phạt  
 còn thiếu trước khi thực hiện những lệnh chuyển tiền khác.

Bản giao nhận được đọc cho mọi người cùng nghe và thống nhất ký tên.

Bản giao nhận (liên 2) được giao cho .....(15)/.

**Người nhận**

(Ký, ghi rõ họ, tên)

**Người giao**

(Ký, ghi rõ họ, tên)

**Hướng dẫn ghi bản giao nhận:**

Bản giao nhận có 3 liên: Liên 1 (báo soát), liên 2 (giao bên nhận), liên 3 (lưu), dùng khi giao nhận Lệnh thu, quyết định trích nộp ngân sách với cá nhân, tổ chức chi trả lương, chi trả thu nhập và các ngân hàng, tổ chức tài chính, tín dụng khác.

- (1, 2): Ghi tên cơ quan của người lập bản giao nhận.
- (3): Ghi nơi lập bản giao nhận.
- (4): Họ, tên người giao Lệnh thu hoặc quyết định trích nộp ngân sách.
- (5): Họ, tên người nhận Lệnh thu hoặc quyết định trích nộp ngân sách.
- (6): Ghi tên văn bản giao nhận.
- (7): Tên cơ quan ra lệnh thu hoặc quyết định.
- (8, 11, 12, 14, 15): Tên cá nhân, tổ chức được giao lệnh thu hoặc quyết định
- (9, 13): Ghi tên đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế.
- (10): Ghi số tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế. Trường hợp đối tượng không có tài khoản thì gạch bỏ.